

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/DS-PT
Ngày: 04- 11- 2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Ngô Ngọc Phi

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 10 và ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2020/QĐ- PT ngày 22 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1967, Địa chỉ: Số 9224, tổ 5, ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh A;

Hiện cư trú: Số 35, đường C, khóm 5, phường P, TP. Đ, tỉnh A. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 123, đường H, khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh A. (theo giấy ủy quyền ngày 07/10/2020), (vắng mặt khi tuyên án)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lý Thanh Đ, sinh năm 1959, (vắng mặt);

2.2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1954, (vắng mặt);

2.3. Ông Lý Huy C, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 12345, tổ 4, khóm 4, phường P, thành phố Đ, tỉnh A.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Lý Huy C: Ông Quảng Khoa T, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV ĐC. Địa chỉ: Số 4321 đường B, phường 123, quận B, thành phố H. (vắng mặt khi tuyên án)

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lý Huy C lần lượt là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Vào ngày 05/12/2014, bà có cho ông Lý Thanh Đ, bà Lê Thị D và ông Lý Huy C vay số tiền 1.800.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích để đáo hạn ngân hàng cho gia đình, thời hạn vay 02 tháng. Quá trình vay, ông Đ, bà D trả nợ được 03 lần: tháng 10/3/2015 trả 100.000.000 đồng; ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng; ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng. Sau đó, ông Đ, bà D có kêu bà đến để chuyển nhượng quyền sử dụng đất trừ số nợ nhưng các bên không thỏa thuận được giá. Bà nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà D và ông C trả nợ, nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Vì vậy, bà T yêu cầu ông Đ, bà D, ông C phải liên đới trả cho bà số tiền vốn 1.400.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày vay 05/12/2014 đến khi xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được lời trình bày của Bị đơn bà Lê Thị D, ông Lý Thanh Đ:

Ông C là con trai của ông Đ, bà D. Do bà T trực tiếp đến nhà bà đòi nợ ông C. Khi đó, bà T chỉ gặp bà nên bà có nghe nói việc ông C vay tiền của bà T. Vì nghĩ C là con ruột nên bà đồng ý hỗ trợ cho ông C trả tiền cho bà T 03 lần: ngày 10/3/2015 trả 100.000.000 đồng, ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 400.000.000 đồng. Việc trả tiền do bà D giao trực tiếp trả cho bà T tại nhà bà, không ai chứng kiến, bà có yêu cầu bà T ký xác nhận đã nhận tiền vào các biên nhận, tổng cộng trả được 400.000.000 đồng.

Bà D, ông Đ xác định không có vay tiền của bà T, việc vay này là thỏa thuận giữa bà T và C, vợ chồng ông Đ, bà D không có liên quan đến số nợ này. Việc trả 400.000.000 đồng là chỉ hỗ trợ ông C trả cho bà T, vợ chồng ông, bà hoàn toàn không có trách nhiệm trả khoản nợ này cho bà T. Vì vậy cho nên đối với yêu cầu buộc bà D, ông Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T thì ông, bà không đồng ý.

Bị đơn ông Lý Huy C trình bày:

Thừa nhận có vay bà T nhiều lần, mỗi lần từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mỗi lần vay ông C đều có làm biên nhận vay với bà T, đến khi cộng lại số tiền là 1.800.000.000 đồng, nhưng ông không nhớ ngày nào.

Mục đích ông C vay tiền là để làm ăn, kinh doanh. Từ lúc vay đến nay, ông C không có trả lãi suất vì vay không lãi. Mỗi lần vay tiền, Ông C có viết biên nhận, đều do bà T giữ biên nhận.

Do kinh doanh thất bại, không có khả năng trả nợ, bà T đến nhà đòi nợ, vì vậy nên bà D, ông Đ có nhiều lần hỗ trợ ông C trả nợ cho bà T, cụ thể: ngày 10/3/2015 trả 100.000.000 đồng, ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 400.000.000 đồng. Vì vậy, Ông C xác định, ông C chỉ còn nợ 1.400.000.000 đồng. Ông C đồng ý trả nợ cho bà T, riêng Ông Đ và bà D không liên quan đến việc vay khoản nợ này. Do đó, việc khởi kiện của bà T yêu cầu ông Đ, bà D liên đới cùng ông trả nợ cho bà T thì ông C không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh A tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Lý Huy C có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Thanh T số tiền vốn 1.400.000.000 đồng, lãi trên số tiền chậm trả là 811.674.000 đồng, tổng cộng 2.211.674.000 đồng(*Hai tỷ hai trăm mười một triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ phải chịu lãi phạt trường hợp chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Theo đơn kháng cáo ngày 27/7/2020 bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo với nội dung không đồng ý một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ của các bị đơn, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét buộc ông Đ, bà D và ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

- Theo Đơn kháng cáo ngày 27/7/2020 ông Lý Huy C là bị đơn trong vụ án kháng cáo với nội dung không đồng ý lãi chậm trả trong bản án sơ thẩm số tiền 811.674.000 đồng, chỉ đồng ý trả số nợ gốc số tiền là 1.400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Đ, bà D và ông C phải liên đới trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn, lãi là 2.211.674.000 đồng.

- Bị đơn ông Lý Huy C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Lý Huy C: Ông Quảng Khoa T, Luật sư trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa án đối với phần lãi chậm trả, yêu cầu tính lãi từ ngày nguyên đơn khởi kiện và đồng ý trả số tiền gốc 1.400.000.000 đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Lý Huy C nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Bà T kháng cáo yêu cầu ông Đ, bà D và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn vay 1.400.000.000 đồng và lãi trên số tiền chậm trả là 811.674.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T khẳng định việc vay tiền do bà D điện thoại cho bà, sau đó ông C đến nhà bà nhận tiền, khi đến hạn trả tiền, bà D, ông Đ có thỏa thuận với bà giao phần đất do ông Đ, bà D đứng tên để trả nợ nhưng không thống nhất giá đất nên không thực hiện được.

Bà T cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của bà là có căn cứ gồm: Bản chính 01 biên nhận ngày 10/3/2015 có nội dung “...chị Đ có trả tiền cho C cho em T trước 100.000.000 đồng còn 1.700.000.000 đồng” có chữ ký của bà D và tờ giấy ghi: ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng.

Lời khai của bà D, ông Đ không thừa nhận có quen biết bà T, không có vay tiền của bà T, thừa nhận bà D có trả tiền cho bà T 03 lần tổng cộng 400.000.000 đồng, nhưng chỉ là hỗ trợ trả thay cho C. Mỗi lần trả như vậy đều không có mặt C ở nhà, bà D có viết biên nhận cho bà T.

Ông C trình bày các biên nhận trả nợ, có hai biên nhận không do chữ viết của bà D viết, nhưng thống nhất đã trả nợ 3 lần là 400.000.000 đồng, số tiền vay bà T đến thời điểm xét xử còn nợ 1.400.000.000 đồng chưa thanh toán. Ông C đồng ý trả nợ cho bà T, Ông Đ và bà D không liên quan đến việc vay khoản nợ này. Việc khởi kiện của bà T yêu cầu ông Đ, bà D liên đới cùng ông trả nợ cho bà T thì ông C không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông C thống nhất số tiền vay là 1.800.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán ông C không thực hiện việc

trả nợ cho bà T nên bà D đứng ra hỗ trợ trả nợ thay cho ông C được 3 lần tổng cộng là 400.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông C còn nợ bà T là 1.400.000.000 đồng, ông C đồng ý trả nợ gốc, còn lãi thì yêu cầu tính lãi từ ngày nguyên đơn khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh là bà D, ông Đ cùng ông C vay số tiền 1.800.000.000 đồng của bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Ông C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác bỏ phần lãi chậm trả số tiền 811.674.000 đồng, chỉ đồng ý trả số tiền gốc 1.400.000.000 đồng.

Xét thấy, cấp sơ thẩm có nhận định là hợp đồng vay tài sản không có lãi. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật hợp đồng vay tài sản không có lãi được xác lập trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 bắt đầu có hiệu lực). Đồng thời các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận cho đến nay nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm như sau:

Trường hợp hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được xác định bằng 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T, ông C không thống nhất thời gian vay tiền, nhưng ông C xác nhận vào ngày 10/3/2015 bà D có hỗ trợ ông C trả nợ cho bà T 100.000.000 đồng. Như vậy, ông C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T được tính từ 11/3/2015, do đó cấp sơ thẩm xử buộc ông C có trách nhiệm trả số tiền lãi trên số tiền chậm trả cho bà T, được tính từ ngày 06/12/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/7/2020 là chưa đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần điều chỉnh lại thời gian tính lãi, bắt đầu tính lãi từ ngày 11/3/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/7/2020 là hoàn toàn phù hợp.

Do đó, tiền lãi của số tiền chậm trả được tính như sau:

- Từ ngày 11/3/2015 đến ngày 31/8/2015:

Số tiền 1.700.000.000 đồng x 05 tháng 20 ngày x 0.833%/tháng = 80.245.000 đồng.

- Từ ngày 01/9/2015 đến ngày 03/01/2016:

Số tiền 1.500.000.000 đồng x 04 tháng 2 ngày x 0.833%/tháng = 50.813.000 đồng.

- Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 14/7/2020:

Số tiền 1.400.000.000 đồng x 54 tháng 10 ngày x 0.833%/tháng = 633.635.000 đồng

Tổng cộng: 80.245.000 đồng + 50.813.000 đồng + 633.635.000 đồng = 764.693.000 đồng.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề xuất Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông C. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa án sơ thẩm cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Như vậy, từ những căn cứ trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà T, chấp nhận một phần kháng cáo của ông C. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền chậm trả của ông C.

Đối với phần mở đầu của bản án sơ thẩm số 11/2020/DS-ST, ngày 14/7/2020, Tòa án Đ có sai sót trong khâu đánh máy cụ thể:

- Theo hồ sơ vụ án, thông báo về việc thụ lý vụ án số: 138/TB-TLVA ngày 13 tháng 8 năm 2019 (Bút lục số 226), nhưng cấp sơ thẩm lại ghi năm 2017, và quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-DS ngày 17/3/2020 (Bút lục 269), nhưng cấp sơ thẩm lại ghi số 118/2019/QĐXXST-DS ngày 31/10/2019 là chưa chính xác theo hồ sơ vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp với hồ sơ vụ án.

- Theo hồ sơ vụ án, Bản án dân sự phúc thẩm số: 69/2018/DSPT ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh A, Xử:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Thanh Đ, bà Lê Thị D, ông Lý Huy C phải chịu 69.741.000 (sáu mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn) đồng .

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà T số tiền 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007311 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Thanh T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0014982; ông Lý Huy C 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0014985 ngày 05/12/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Đến ngày 05/03/2019 có Quyết định giám đốc thẩm số 52/2019/DS-GĐT ngày 05/03/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định: Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số: 69/2018/DSPT ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh A. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm lại. Sau khi thụ lý lại hồ sơ vụ án mà Tòa án nhân dân thành phố Đ không làm công văn hỏi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ về việc thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số: 69/2018/DSPT ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang như thế nào. Đến ngày 14/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố Đ lại đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và ban hành bản án số: 11/2020/DSST ngày 14/7/2020, tuyên xử: Hoàn trả cho bà T số tiền 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007311 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Đến giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang làm công văn hỏi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ về việc thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số: 69/2018/DSPT ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ có công văn phúc đáp số: 03/CCTHADS ngày 30/10/2020 cho biết: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ đã ban hành Quyết định thi hành án số: 481/QĐ-CCTHADS ngày 09/4/2018. Đến ngày 03/5/2018 bà Nguyễn Thị Thanh T đã nhận lại tất cả các khoản tạm ứng án phí đã nêu trên. Riêng đối với ông Lý Huy C thì chưa nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Cấp sơ thẩm có thiếu sót trong quá trình tố tụng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, xét thấy các thiếu sót của cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ án và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm cần sửa chữa lại phần hoàn trả án phí cho bà T, ông C cho phù hợp. Trong việc này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Lý Huy C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Thanh T, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Huy C. Sửa bản án sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 471, 474, 477 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 463, 466, Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

[1] Buộc ông Lý Huy C có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Thanh T số tiền vốn 1.400.000.000 đồng, lãi trên số tiền chậm trả là 764.693.000 đồng, tổng cộng 2.164.693.000 đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Huy C phải chịu 75.293.860 đồng (*Bảy mươi lăm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho ông Lý Huy C 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003958 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003963 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm năm 2017:

- Hoàn trả cho ông Lý Huy C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0014985 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thám